

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18 – 02 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hồng Thuỳ

Ông Dương Vĩnh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Â, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Han S, sinh năm: 1987

Địa chỉ: #899 Cheong-r, Juch-my, Gim-s, Gyeong-do, Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2018, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Phạm Văn Â trình bày:

Ông và bà Han S do quen biết và có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức đám cưới chỉ có đăng ký kết hôn. Vào ngày 24 tháng 5 năm 2013 thì cả hai có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc; được ghi chú vào sổ đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 6 năm 2013 tại Sở tư pháp tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng ông và bà Han S chung sống hạnh phúc được khoảng sáu tháng tại Hàn Quốc thì ông Â trở về Việt Nam sinh sống, bà S ở lại Hàn Quốc chứ không cùng về. Trong khoảng thời gian ông về Việt Nam thì bà S

có về Việt Nam một lần để vào sổ đăng ký kết hôn cho đến nay. Sau khi bà S trở về Hàn Quốc cho đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa, tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt do vợ chồng ở xa nhau. Nay ông thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Han S, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Ông trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà Han S đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập bà Han S đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà Han S vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt bà Han S theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa ông Phạm Văn Â và bà Han S là ly hôn, nguyên đơn ông Phạm Văn Â đang ở Việt Nam, bị đơn bà Han S hiện đang ở nước ngoài (Hàn Quốc) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn Â và bà Han S tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc và vào sổ ghi chú kết hôn ở Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18 tháng 3 năm 2015 nên hôn nhân giữa ông Phạm Văn Â và bà Han S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng ông Â và bà Han S chung sống hạnh phúc với nhau khoảng sáu tháng tại Hàn Quốc thì ông Â về Việt Nam. Vợ chồng ông bà không liên lạc thường xuyên qua điện thoại, do hai người ở hai nơi xa nhau nên tình cảm vợ chồng cũng dần phai nhạt. Đến nay thì hai vợ chồng không còn sống chung, không còn liên lạc cũng như quan tâm đến nhau. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý vụ án cho bà Han S nhưng không nhận được văn bản nêu ý kiến của bà về những vấn đề ông Â yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của ông Â và bà S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông Â yêu cầu ly hôn với bà S là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của bà Han S nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Phạm Văn A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Phạm Văn A.

Về hôn nhân: Ông Phạm Văn A được ly hôn với bà Han S.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Ông Phạm Văn A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không ghi nhận được lời trình bày của bà Han S nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008056 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Ông Phạm Văn A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án; bà Han S được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Thế Xương

